

LĐLĐ TỈNH HOÀ BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

Số : **37** /CĐGD
V/v cấp trả nợ kinh phí
hoạt động công đoàn năm 2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoà Bình, ngày **27** tháng 02 năm 2020

Kính gửi: Công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc.

Căn cứ nguồn kinh phí công đoàn các đơn vị, trường học nộp vào tài khoản chuyên thu của Công đoàn Giáo dục Hoà Bình tính đến hết ngày 31/12/2019;

Căn cứ số kinh phí đã cấp cho CĐCS và số kinh phí bù trừ theo nghị quyết 9C năm 2019, Công đoàn Giáo dục Hoà Bình thông báo đến công đoàn các đơn vị, trường học một số nội dung sau:

1. Công đoàn Giáo dục Hoà Bình cấp trả nợ 0,98 kinh phí hoạt động công đoàn của năm 2019 cho 39 Công đoàn cơ sở (*Cột số 9 ở biểu số 01 đính kèm*).

2. Công đoàn Giáo dục Hoà Bình thông báo tới các công đoàn cơ sở số kinh phí phải trừ theo nghị quyết 9C (*Cột số 09 ở biểu số 02 đính kèm*). Cụ thể: CĐGD Hoà Bình chỉ trừ kinh phí 9C đối những đơn vị được cấp lần này và có số kinh phí 9C còn nộp thiếu của năm 2019. Trường hợp những đơn vị được cấp kinh phí lần này nhưng số kinh phí được cấp nhỏ hơn số kinh phí 9C còn thiếu của năm 2019 thì số kinh phí 9C thực hiện bù trừ lần này được tính bằng số kinh phí được cấp; số kinh phí 9C chưa bù trừ hết sẽ được giảm trừ tiếp ở lần cấp sau (cột 10 của biểu số 02). Đối với trường hợp những đơn vị đang nộp thừa kinh phí 9C của năm 2019 sẽ được bù trừ giảm nộp 9C ở những lần cấp sau (cột 11 biểu số 02).

Ban chấp hành công đoàn cơ sở theo dõi, tổng hợp số kinh phí phải cấp, số kinh phí đã trừ để đưa số liệu vào báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm 2020 gồm 02 mục: đưa số kinh phí phải cấp cho CĐCS theo số thực thu 0,98 (*ở cột 7 của biểu số 01*) vào mục 25 “kinh phí cấp trên cấp”; đưa số kinh phí đã trừ theo NQ9C (*ở cột số 08 của biểu số 01*) vào mục 37 “kinh phí đã nộp cấp trên quản lý trực tiếp”.

Công đoàn Giáo dục Hoà Bình đề nghị các công đoàn cơ sở nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CĐGD Hoà Bình;
- Website ngành;
- Lưu VP.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH



Bùi Đức Ngọc

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÒA BÌNH
CỘNG ĐOÀN GIÁO DỤC

Biểu số 01

THÔNG BÁO CẤP KINH PHÍ TRẢ NỢ NĂM 2019

TT	Tên đơn vị	Số thực thu 2% năm 2019	Kinh phí phải cấp	Kinh phí đã cấp	Chênh lệch cấp		Số kinh phí trừ theo NQ9C	Kinh phí cấp trả nợ năm 2019	Số KP cấp thừa sẽ giảm trừ sang năm 2020
					Cấp thừa	Cấp thiếu (Số KP Công đoàn ngành phải cấp)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10=6
1	Trường THPT Cộng Hòa	59,638,000	29,222,620	29,223,000	380			-	380
2	Trường THPT Đại Đồng	67,053,400	32,856,166	32,391,000		465,166	465,166	-	-
3	Trường THPT Quyết Thắng	45,642,700	22,364,923	22,365,000	77			-	77
4	Trường THPT Lạc Sơn	69,563,200	34,085,968	34,086,000	32			-	32
5	Trường PTDTNT THCS và THPT Ngọc Sơn	52,324,000	25,638,760	25,639,000	240			-	240
6	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lạc Sơn	46,844,000	22,953,560	21,026,000		1,927,560	309,000	1,618,560	-
7	Trường THPT Thạch Yên	35,877,330	17,579,892	16,173,000		1,406,892		1,406,892	-
8	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Cao Phong	47,009,776	23,034,790	21,159,000		1,875,790		1,875,790	-
9	Trường THPT Cao Phong	66,980,342	32,820,368	30,153,000		2,667,368	263,500	2,403,868	-
10	Trường THPT Kỳ Sơn	66,418,400	32,545,016	32,545,000		16		16	-
11	Trường THPT Phú Cường	42,022,600	20,591,074	20,591,000		74	74	-	-
12	Trường THPT Lương Sơn	128,381,610	62,906,989	52,891,000		10,015,989	395,539	9,620,450	-
13	Trường THPT Nam Lương Sơn	61,196,000	29,986,040	27,345,000		2,641,040		2,641,040	-
14	Trường THPT Cù Chính Lan	80,892,381	39,637,267	39,637,000		267		267	-
15	Trường PT DTNT THCS & THPT huyện Lạc Thủy	38,806,400	19,015,136	17,404,000		1,611,136	61,625	1,549,511	-
16	Trường THPT Lạc Thủy B	70,240,215	34,417,705	31,222,000		3,195,705	800,700	2,395,005	-
17	Trường THPT Lạc Thủy	66,740,700	32,702,943	32,703,000	57			-	57
18	Trường THPT Lạc Thủy C	42,737,291	20,941,273	19,287,000		1,654,273	214,264	1,440,009	-
19	Trường THPT Mai Châu	79,031,200	38,725,288	38,726,000	712			-	712

THÔNG BÁO CẤP KINH PHÍ TRẢ NỢ NĂM 2019

TT	Tên đơn vị	Số thực thu 2% năm 2019	Kinh phí phải cấp	Kinh phí đã cấp	Chênh lệch cấp		Số kinh phí trừ theo NQ9C	Kinh phí cấp trả nợ năm 2019	Số KP cấp thừa sẽ giảm trừ sang năm 2020
					Cấp thừa	Cấp thiếu (Số KP Công đoàn ngành phải cấp)			
20	Trường THPT Mai Châu B	35,257,200	17,276,028	17,275,000		1,028	1,028	-	-
21	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Mai Châu	47,060,300	23,059,547	21,162,000		1,897,547	590,000	1,307,547	-
22	Trường PTDTNT THCS B huyện Mai Châu	34,811,000	17,057,390	17,058,000	610			-	610
23	Trường THPT Yên Thủy C	45,183,102	22,139,720	15,939,000		6,200,720	625,850	5,574,870	-
24	Trường THPT Yên Thủy A	81,690,876	40,028,529	32,990,000		7,038,529		7,038,529	-
25	Trường THPT Yên Thủy B	59,814,437	29,309,074	26,632,000		2,677,074	435,000	2,242,074	-
26	Trường THPT Thanh Hà	50,168,400	24,582,516	22,569,000		2,013,516	237,814	1,775,702	-
27	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Yên Thủy	34,906,437	17,104,154	12,716,000		4,388,154		4,388,154	-
28	Trường THPT 19/5	86,120,400	42,198,996	42,183,000		15,996		15,996	-
29	Trường THPT Kim Bôi	84,941,000	41,621,090	40,526,000		1,095,090		1,095,090	-
30	Trường PTDTNT THCS &THPT huyện Kim Bôi	52,006,500	25,483,185	23,330,000		2,153,185	114,000	2,039,185	-
31	Trường THPT Sào Báy	55,718,100	27,301,869	25,048,000		2,253,869	281,000	1,972,869	-
32	Trường THPT Bắc Sơn	37,767,700	18,506,173	16,928,000		1,578,173	91,000	1,487,173	-
33	Trường THPT Mường Chiềng	39,448,400	19,329,716	17,800,000		1,529,716	763,000	766,716	-
34	Trường THPT Yên Hoà	30,034,600	14,716,954	14,219,000		497,954	351,600	146,354	-
35	Trường THPT Đà Bắc	62,114,000	30,435,860	30,436,000	140			-	140
36	Trường PTDTNT THCS B huyện Đà Bắc	28,815,000	14,119,350	12,922,000		1,197,350	351,000	846,350	-
37	Trường PTDTNT THCS &THPT huyện Đà Bắc	37,389,000	18,320,610	18,321,000	390			-	390
38	Trường THPT Đoàn Kết	50,902,900	24,942,421	22,876,000		2,066,421	158,207	1,908,214	-
39	Trường THPT Tân Lạc	73,254,200	35,894,558	33,002,000		2,892,558		2,892,558	-
40	Trường THPT Mường Bi	62,100,800	30,429,392	27,946,000		2,483,392	128,000	2,355,392	-
41	Trường THPT Lũng Văn	26,183,700	12,830,013	11,781,000		1,049,013	101,215	947,798	-
42	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tân Lạc	53,349,900	26,141,451	24,017,000		2,124,451		2,124,451	-

THÔNG BÁO CẤP KINH PHÍ TRẢ NỢ NĂM 2019

TT	Tên đơn vị	Số thực thu 2% năm 2019	Kinh phí phải cấp	Kinh phí đã cấp	Chênh lệch cấp		Số kinh phí trừ theo NQ9C	Kinh phí cấp trả nợ năm 2019	Số KP cấp thừa sẽ giảm trừ sang năm 2020
					Cấp thừa	Cấp thiếu (Số KP Công đoàn ngành phải cấp)			
43	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh	112,873,204	55,307,870	53,429,000		1,878,870	854,500	1,024,370	-
44	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	181,967,000	89,163,830	89,164,000	170			-	170
45	Trường THPT Công nghiệp	103,976,200	50,948,338	50,949,000	662			-	662
46	Trường THPT Lạc Long Quân	75,593,200	37,040,668	37,041,000	332			-	332
47	Trường THPT Ngô Quyền	46,440,800	22,755,992	22,756,000	8			-	8
48	Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình	146,432,300	71,751,827	71,751,000		827		827	-
49	TT GDTX tỉnh	53,811,000	26,367,390	26,367,000		390	390	-	-
50	Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình	80,193,800	39,294,962	36,358,155		2,936,807		2,936,807	-
51	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lương Sơn	35,065,037	17,181,868	17,181,000		868		868	-
52	TT kỹ thuật THHN-NNTH	47,894,000	23,468,060	20,866,000		2,602,060	110,500	2,491,560	-
53	Công ty CP sách & TBTH	11,803,130	5,783,534	6,084,290	300,756			-	300,756
Cộng		3,232,487,168	1,583,918,712	1,504,188,445	304,566	80,034,834	7,703,972	72,330,862	304,566

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đinh Thị Quỳnh Như

Hoà Bình, ngày 27 tháng 02 năm 2020

TM. BAN THƯỜNG VỤ

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Ngọc

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÒA BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

Biểu số 02

BẢNG TÍNH SỐ PHẢI NỢ THEO NGHỊ QUYẾT 9C
TRẢ NỢ NĂM 2019

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHÊNH LỆCH năm 2018		KP 9C CĐCS phải nộp năm 2019	KINH PHÍ CĐCS ĐÃ THỰC HIỆN năm 2019	CHÊNH LỆCH tính đến hết năm 2019		KP 9C thực hiện bù trừ lần cấp trả nợ lần này	Số kinh phí còn phải thực hiện bù trừ tiếp trong năm 2020	
		Số KP còn phải thu	Số KP nộp thừa			Số KP còn phải thu	Số KP nộp thừa		Số KP còn phải thu	Số KP nộp thừa
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=7-9	11=8
1	Trường THPT Cộng Hoà		556,212	3,753,991	3,447,979		250,200	-	-	250,200
2	Trường THPT Đại Đồng		733,139	4,601,000	3,309,861	558,000		465,166	92,834	-
3	Trường THPT Quyết Thắng	347,334		2,816,000	2,722,334	441,000		-	441,000	-
4	Trường THPT Lạc Sơn		331,201	5,793,500	4,244,299	1,218,000		-	1,218,000	-
5	PTDTNT THCS&THPT Ngọc Sơn		335,183	3,735,000	3,779,664		379,847	-	-	379,847
6	PTDTNT THCS&THPT H. Lạc Sơn	228,577		3,440,000	3,359,577	309,000		309,000	-	-
7	Trường THPT Thạch Yên		49,097	1,893,000	2,221,903		378,000	-	-	378,000
8	PTDTNT THCS&THPT H. Cao Phong	264,364	-	3,231,000	3,797,364		302,000	-	-	302,000
9	Trường THPT Cao Phong	300,250	-	4,917,200	4,953,950	263,500		263,500	-	-
10	Trường THPT Kỳ Sơn	2,600,009		4,516,500	7,411,309		294,800	-	-	294,800
11	Trường THPT Phú Cường		140,948	3,352,595	3,173,052	38,595		74	38,521	-
12	Trường THPT Lương Sơn	5,725	-	8,128,744	7,705,909	428,560		395,539	33,021	-
13	Trường THPT Nam Lương Sơn	214,036		4,560,600	4,841,636		67,000		-	67,000
14	Trường THPT Cù Chính Lan		1,245,300	5,502,000	5,257,700		1,001,000	-	-	1,001,000
15	PTDTNT THCS&THPT H. Lạc Thủy		681,400	2,871,493	2,128,468	61,625		61,625		-
16	Trường THPT Lạc Thủy B		335,437	5,799,700	4,663,563	800,700		800,700	-	-
17	Trường THPT Lạc Thủy		228,389	5,216,000	5,254,611		267,000		-	267,000
18	Trường THPT Lạc Thủy C	509,137		2,587,859	2,882,732	214,264		214,264	-	-
19	Trường THPT Mai Châu		292,393	5,262,000	5,362,607		393,000		-	393,000

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHÊNH LỆCH năm 2018		KP 9C CDCS phải nộp năm 2019	KINH PHÍ CDCS ĐÃ THỰC HIỆN năm 2019	CHÊNH LỆCH tính đến hết năm 2019		KP 9C thực hiện bù trừ lần cấp trả nợ lần này	Số kinh phí còn phải thực hiện bù trừ tiếp trong năm 2020	
		Số KP còn phải thu	Số KP nộp thừa			Số KP còn phải thu	Số KP nộp thừa		Số KP còn phải thu	Số KP nộp thừa
20	Trường THPT Mai Châu B		377,449	2,319,000	1,925,551	16,000		1,028	14,972	-
21	PTDTNT THCS&THPT H. Mai Châu	297,978		3,547,000	3,254,978	590,000		590,000	-	-
22	PTDTNT THCS B huyện Mai Châu		55,995	2,365,500	3,626,005		1,316,500		-	1,316,500
23	Trường THPT Yên Thủy C		1,008,928	3,712,050	2,077,272	625,850		625,850	-	-
24	Trường THPT Yên Thủy A		1,898,762	5,104,000	3,607,238		402,000		-	402,000
25	Trường THPT Yên Thủy B	19,533	-	4,710,000	4,294,533	435,000		435,000	-	-
26	Trường THPT Thanh Hà	64,098		3,668,664	3,494,948	237,814		237,814	-	-
27	PTDTNT THCS&THPT H. Yên Thủy		114,684	2,161,543	2,227,359		180,500		-	180,500
28	Trường THPT 19-5		1,196,187	6,604,000	6,791,813		1,384,000		-	1,384,000
29	Trường THPT Kim Bôi		1,283,675	5,364,000	5,218,325		1,138,000		-	1,138,000
30	PTDTNT THCS&THPT H. Kim Bôi	290,705	-	4,006,000	4,182,705	114,000		114,000	-	-
31	Trường THPT Sào Báy	4,490		4,114,500	3,837,990	281,000		281,000	-	-
32	Trường THPT Bắc Sơn	139,658		2,608,000	2,656,658	91,000		91,000	-	-
33	Trường THPT Mường Chiềng		768,855	3,995,000	2,463,145	763,000		763,000	-	-
34	Trường THPT Yên Hoà	227,930	-	2,494,600	2,370,930	351,600		351,600	-	-
35	Trường THPT Đà Bắc		836,998	5,399,000	4,424,002	138,000		-	138,000	-
36	PTDTNT THCS B huyện Đà Bắc	71,657		2,135,000	1,855,657	351,000		351,000	-	-
37	PTDTNT THCS&THPT huyện Đà Bắc		43,514	2,695,000	2,864,486		213,000		-	213,000
38	Trường THPT Đoàn Kết	483,528		3,057,207	3,382,528	158,207		158,207	-	-
39	Trường THPT Tân Lạc		245,978	4,662,000	4,567,022		151,000		-	151,000
40	Trường THPT Mường Bi	214,969		4,560,000	4,646,969	128,000		128,000	-	-
41	Trường THPT Lũng Vân		280,956	2,066,412	1,684,241	101,215		101,215	-	-
42	PTDTNT THCS&THPT H. Tân Lạc	50,371		3,728,800	4,076,171		297,000		-	297,000
43	Trường THPT THPT tỉnh		1,166,199	7,605,500	5,584,801	854,500		854,500	-	-

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHÊNH LỆCH năm 2018		KP 9C CĐCS phải nộp năm 2019	KINH PHÍ CĐCS ĐÃ THỰC HIỆN năm 2019	CHÊNH LỆCH tính đến hết năm 2019		KP 9C thực hiện bù trừ lần cấp trả nợ lần này	Số kinh phí còn phải thực hiện bù trừ tiếp trong năm 2020	
		Số KP còn phải thu	Số KP nộp thừa			Số KP còn phải thu	Số KP nộp thừa		Số KP còn phải thu	Số KP nộp thừa
44	Trường THPT chuyên Hoàng Văn Thụ		237,396	13,401,703	12,842,204	322,103			322,103	-
45	Trường THPT Công Nghiệp		2,991,019	8,714,000	4,931,981	791,000			791,000	-
46	Trường THPT Lạc Long Quân		2,728,899	6,107,000	4,247,101		869,000		-	869,000
47	Trường THPT Ngô Quyền		354,399	2,970,800	2,906,601		290,200		-	290,200
48	CĐSP Hoà Bình	-	810,040	8,931,500	9,731,460		1,610,000	-	-	1,610,000
49	TTGDTX tỉnh		357,038	3,840,000	3,461,962	21,000		390	20,610	-
50	Sở GD&ĐT		708,755	2,676,000	2,756,000		788,755		-	788,755
51	PTDTNT THCS&THPT huyện Lương Sơn		506,452	2,350,000	2,357,548		514,000		-	514,000
52	TT Kỹ thuật TH HN-NNTH	35,671		3,128,200	3,053,371	110,500		110,500	-	-
53	Công ty Sách -TBTH		691,250	816,360	422,000	-	296,890		-	296,890
	Cộng	6,370,020	23,592,127	227,596,521	212,344,073	10,814,032	12,783,691	7,703,972	3,110,060	12,783,691

17,222,107

NGƯỜI LẬP


Đinh Thị Quỳnh Như

Hoà Bình, ngày 27 tháng 2 năm 2020

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH
BCH
CÔNG ĐOÀN
GIÁO DỤC

Bùi Đức Ngọc